BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5661 /QĐ-BNN-TC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TC.(108)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hà Công Tuấn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Về quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5661/QĐ-BNN-TC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý. Nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý gồm:

a) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm: chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền);

b) Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức và cá nhân người nước ngoài khác, các tập đoàn, công ty có vốn nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao trách nhiệm hoặc có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn viện trợ NGO do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài,vốn viện trợ NGO đầu tư, hỗ trợ thông qua các chương trình, dự án và các khoản tài trợ phi dự án (gọi chung là dự án) đều là nguồn vốn của Ngân sách Nhà nước (NSNN), phải được hạch toán, phản ánh đầy đủ thông qua hệ thống chứng từ sổ sách, biểu mẫu báo cáo và phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật NSNN, các Nghị định và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Vốn đối ứng do NSNN cấp phát theo cam kết dành cho các chương trình, dự án thuộc phạm vi cấp nào do cấp đó (gồm trung ương và địa phương)

đảm bảo cân đối, bố trí, giao dự toán và kiểm tra, phê duyệt quyết toán, trừ trường hợp đặc biệt đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Toàn bộ số liệu phải được phản ánh, tổng hợp trong báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán chung của toàn chương trình, dự án.

3. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bộ trưởng về việc thực hiện các cam kết đã quy định trong các điều ước quốc tế, văn kiện dự án; các quy định của Nhà nước về thực hiện chương trình, dự án, quản lý tài chính; thực hiện chế độ lập kế hoạch tài chính, hạch toán kế toán, kiểm toán, quyết toán, quản lý tài sản dự án, báo cáo theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Trong trường hợp các điều ước, thoả thuận, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, ký kết có quy định khác với quy định trong nước thì thực hiện theo các điều ước, thoả thuận, cam kết đó. Nếu Nhà tài trợ hoặc cơ quan, tổ chức được Nhà tài trợ uỷ nhiệm trực tiếp điều hành việc chi tiêu cho chương trình, dự án, thì việc quản lý tài chính được thực hiện theo các quy định trong các hiệp định, thoả thuận, cam kết hoặc văn kiện dự án, biên bản ghi nhớ đã ký kết với Nhà tài trợ.

Điều 4. Nội dung quản lý tài chính

1. Nội dung quản lý tài chính nguồn hỗ trợ của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý bao gồm: Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính; thực hiện chế độ kiểm soát chi và hạch toán NSNN; thực hiện chế độ mua sắm và định mức chi tiêu; thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, kiểm toán và quyết toán; thực hiện chế độ quản lý vốn và tài sản hình thành từ nguồn kinh phí dự án và thực hiện các chính sách thuế.

2. Ngoài các nội dung nêu trên, đối với các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại có tính chất độc lập (không đi kèm với dự án vốn vay) còn phải thực hiện việc xác nhận viện trợ với Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) theo quy định tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN.

Chương II

LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Điều 5. Nguyên tắc lập kế hoạch tài chính

Các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài phải lập kế hoạch trung hạn, kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án và kế hoạch tài chính hàng năm theo quy định tại Luật Đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 6. Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA,vốn vay ưu đãi, căn cứ vào văn kiện chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư chương trình, dự án và Điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA và vốn vay ưu đãi, chủ dự án phối hợp với Nhà tài trợ lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình Bộ (thông qua Vụ Kế hoạch đối với dự án xây dựng cơ bản (XDCB), thông qua Vụ Tài chính đối với dự án hành chính sự nghiệp (HCSN) xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Nguyên tắc lập kế hoạch tài chính hàng năm

1. Kế hoạch tài chính hàng năm của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi được lập tuân thủ quy trình lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo mức bố trí vốn ODA, vốn vay ưu đãi và vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm, phù hợp với các điều ước quốc tế, thỏa thuận về ODA và vốn vay ưu đãi đã ký kết, phù hợp với khả năng giải ngân thực tế.

2. Mẫu biểu kế hoạch tài chính vốn ODA, vốn vay ưu đãi và kế hoạch vốn đối ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 8. Quy trình lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm

1. Vào thời điểm lập dự toán NSNN theo quy định hiện hành, căn cứ nội dung văn kiện dự án, kế hoạch tổng thể, tiến độ thực hiện dự án, Chủ dự án lập kế hoạch tài chính cho năm sau, thỏa thuận/xin ý kiến không phản đối của Nhà tài trợ (nếu có yêu cầu), trình Bộ xem xét gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp NSNN trình Chính phủ và Quốc hội phê duyệt.

2. Đối với các dự án XDCB, Chủ dự án lập và gửi Vụ Kế hoạch xem xét, tổng hợp kế hoạch tài chính báo cáo Bộ trưởng trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đối với các dự án HCSN, Chủ dự án lập và gửi Vụ Tài chính xem xét, tổng hợp kế hoạch tài chính báo cáo Bộ trưởng trước khi gửi Bộ Tài chính.

3. Trong tháng 8, theo chức năng nhiệm vụ được giao, Vụ Tài chính (đối với dự án HCSN), Vụ Kế hoạch (đối với dự án XDCB) chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục có liên quan chỉnh sửa lần cuối kế hoạch/dự toán NSNN của Bộ để tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong quá trình lập kế hoạch/dự toán NSNN hàng năm, các Vụ, Cục, các đơn vị sự nghiệp khác và cơ quan được uỷ quyền căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch tài chính/dự toán chi NSNN cho các dự án thuộc lĩnh vực quản lý, thời hạn hoàn thành trước ngày 31 tháng 10.

4. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao dự toán thu, chi NSNN, Vụ Tài chính trình Bộ trưởng quyết định giao dự toán chi NSNN cho các dự án HCSN; Vụ Kế hoạch chủ trì trình Bộ trưởng thông báo kế hoạch vốn cho các dự án XDCB đến các chủ dự án trước ngày 31/12.

Đối với dự án HCSN, đơn vị dự toán cấp II có trách nhiệm giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp dưới trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giao dự toán của Bộ.

5. Đối với các dự án ODA, dự án NGO mà điều ước quốc tế và thoả thuận đã ký nhưng chưa có hiệu lực hoặc có hiệu lực nhưng chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư trong nước, cơ quan được giao làm Chủ dự án phải trình Bộ (thông qua Vụ Kế hoạch đối với vốn mang tính chất XDCB, Vụ Tài chính đối với vốn mang tính chất HCSN) để Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (trong thời gian lập dự toán ngân sách) để bố trí trong dự phòng chi XDCB hoặc chi HCSN, trình cấp có thẩm quyền quyết định (nếu là trường hợp ngân sách trung ương chịu trách nhiệm bố trí vốn đối ứng).

Điều 9. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn

Đối với các dự án mới phát sinh hoặc dự án đã phê duyệt nhưng cần điều chỉnh bổ sung sau thời điểm lập và giao kế hoạch ngân sách, theo đề nghị của Chủ dự án, theo tính chất sử dụng vốn, Vụ Kế hoạch (đối với vốn XDCB), Vụ Tài chính (đối với vốn HCSN) xem xét trình Bộ trưởng phê duyệt điều chỉnh (đối với trường hợp điều chỉnh không làm tăng tổng mức vốn) và báo cáo tổng hợp kế hoạch bổ sung (đối với trường hợp cần bổ sung vốn) vào thời điểm bổ sung kế hoạch ngân sách hàng năm hoặc báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính xử lý từng trường hợp cụ thể (trường hợp cấp thiết, khẩn cấp).

Chương III

MỞ TÀI KHOẢN, XÁC NHẬN VIỆN TRỢ, KIỂM SOÁT CHI VÀ HẠCH TOÁN NSNN

Điều 10. Mở và sử dụng tài khoản

1. Chủ dự án được mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ và / hoặc tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tại nơi mở trụ sở đăng ký giao dịch để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải ngân nguồn hỗ trợ của nước ngoài, nguồn vốn đối ứng do NSNN cấp phát để thực hiện chương trình, dự án.

2. Trong trường hợp mở tài khoản tiếp nhận nguồn vốn nước ngoài tại ngân hàng phục vụ, Chủ dự án có trách nhiệm đề nghị ngân hàng phục vụ mở thêm tài khoản theo dõi tiền lãi phát sinh riêng và yêu cầu ngân hàng gửi bản sao kê định kỳ hàng tháng cho dự án để tổng hợp theo dõi khoản tiền lãi phát sinh.

3. Nghiêm cấm việc dùng tài khoản cá nhân, thuê mượn hoặc nhờ tài khoản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác và các hình thức tương tự để tiếp nhận và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài cho các chương trình, dự án.

Điều 11. Xác nhận viện trợ, kiểm soát chi và hạch toán ngân sách nhà nước

1. Các chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại phải thực hiện xác nhận tiền, hàng viện trợ với Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) theo quy định tại Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN.Tờ khai xác nhận viện trợ là căn cứ để thực hiện hạch toán NSNN đối với viện trợ nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN.

2. Các chương trình, dự án ODA vay thực hiện kiểm soát chi, hạch toán ghi thu ghi chi NSNN theo quy định tại Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ nước ngoài. Số liệu ghi thu ghi chi NSNN là căn cứ để thực hiện hạch toán và quyết toán NSNN theo quy định hiện hành.

Chương IV

ĐỊNH MỨC CHI TIÊU

Điều 12. Định mức chi tiêu từ nguồn vốn đối ứng trong nước và vốn vay

1. Định mức chi tiêu trong trường hợp sử dụng nguồn vốn đối ứng trong nước và vốn vay được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC.

2. Đối với mức lương chuyên gia tư vấn trong nước, Chủ dự án áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Điều 13. Định mức chi tiêu từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại

1. Định mức chi tiêu trong trường hợp sử dụng từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài được áp dụng theo quy định của nhà tài trợ, điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án viện trợ.

2. Đối với các khoản chi đặc thù, trường hợp Nhà tài trợ chưa có quy định, trong các điều ước, thoả thuận quốc tế hoặc văn kiện dự án không có quy định về định mức chi và chưa được quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, Chủ dự án phải báo cáo Bộ (qua Vụ Tài chính) để phối hợp với Bên tài trợ xây dựng định mức chi tiêu và lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

Chương V

KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 14. Bộ máy kế toán

1. Tuỳ theo quy mô, tính chất và mô hình tổ chức quản lý của từng dự án, Chủ dự án chủ động đề xuất mô hình kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, bố trí cán bộ kế toán chuyên trách hoặc cán bộ kế toán kiêm nhiệm, hoặc tuyển dụng nhân viên kế toán đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, phù hợp với lĩnh vực quản lý, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế toán dự án.

2. Kế toán trưởng, Phụ trách kế toán của các chương trình, dự án do các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ làm Chủ dự án phải là công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị đó được giao chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Trước khi bổ nhiệm Kế toán trưởng, giao Phụ trách kế toán dự án, Chủ dự án phải lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan tài chính về chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ theo quy định hiện hành.

3. Đối với các chương trình, dự án chấm dứt hoạt động hoặc có quyết định giải thể, sáp nhập, giám đốc dự án và người phụ trách kế toán phải chịu trách nhiệm giải quyết các khoản thu, chi và hoàn thành việc báo cáo quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động, giải thể, sáp nhập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những sai phạm (nếu có) trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 15. Chế độ kế toán

1. Đối với các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường năng lực, nghiên cứu, đổi mới chính sách, cải cách thể chế có tính chất HCSN: Áp dụng Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư XDCB: Áp dụng Chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư theo Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính.

3. Đối với các dự án quy mô nhỏ, đơn giản, khối lượng công việc kế toán không lớn, không thành lập Ban quản lý dự án: Áp dụng chế độ kế toán hiện

hành của đơn vị để thực hiện các công việc kế toán. Chủ dự án phải hạch toán riêng theo nguồn vốn dự án, chi dự án, không được hòa lẫn nguồn vốn ODA vào nguồn vốn của đơn vị.

4. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các Văn phòng Đối tác Hỗ trợ ngành, Quỹ uỷ thác ngành và các Ban Quản lý dự án thuộc Bộ phải sử dụng thống nhất một hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản, mở đầy đủ sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính theo chế độ kế toán áp dụng tương ứng.

5. Đối với các dự án do yêu cầu bắt buộc phải nộp chứng từ (bản gốc) cho Nhà tài trợ, chủ dự án thực hiện sao chụp lại chứng từ kế toán theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước.

Điều 16. Kiểm toán dự án

1. Kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà tài trợ hoặc theo các yêu cầu kiểm toán của cơ quan chức năng của Việt Nam nhằm: (i) kiểm tra và xác nhận tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính dự án trong một năm tài chính; (ii) xác nhận các nguồn lực của dự án đãđược sử dụng phù hợp theo các thủ tục, quy định, chính sách, chế độ tài chính, kế toán mà Chính phủ đã thống nhất với Nhà tài trợ áp dụng trong khuôn khổ dự án.

2. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành áp dụng đối với tất cả các dự án ODA quan trọng quốc gia, dự án ODA nhóm A khi hoàn thành (trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán); các dự án còn lại chỉ thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành khi có yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan thẩm tra quyết toán) hoặc của Nhà tài trợ.

3. Các doanh nghiệp kiểm toán được lựa chọn thực hiện kiểm toán dự án là các doanh nghiệp kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt các nội dung trong quá trình lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định tại Khoản 1, Điều 74 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013.

5. Sau khi nhận được Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm và Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành do Nhà thầu kiểm toán thực hiện, trong vòng 10 ngày làm việc, cùng với việc gửi báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của Nhà tài trợ, Chủ dự án còn phải gửi cho Vụ Tài chính và Kiểm toán nhà nước 01 bộ (gồm cả thư quản lý) để nắm bắt thông tin, kiến nghị phục vụ công tác quản lý, đồng thời đây cũng là một trong những căn cứ để thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án.

Chương VI

TRANG BỊ, MUA SẮM, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN

Điều 17. Trang bị, mua sắm, thuê tài sản

1. Việc trang bị, mua sắm, thuê tài sản phục vụ công tác quản lý dự án phải phù hợp với văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, yêu cầu nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trường hợp mua sắm trang bị mới tài sản, phải thực hiện theo các quy định của pháp luật đấu thầu hiện hành. Chủ dự án phải lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Bộ phê duyệt cho toàn dự án trước khi tiến hành các thủ tục mua sắm tiếp theo (trừ các gói thầu cần thực hiện trước).

Điều 18. Quản lý tài sản

1. Tài sản do dự án trang bị, mua sắm phải sử dụng đúng mục đích, mở thẻ, sổ theo dõi chi tiết, hạch toán đầy đủ theo chếđộ quy định. Việc tính hao mòn tài sản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn v ị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Mọi tài sản được mua, được tiếp nhận theo quyết định của cấp có thẩm quyền và tài sản được thuê để phục vụ cho hoạt động của dự án phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng định mức tiêu chuẩn của nhà nước đã quy định; nghiêm cấm việc: (i)mua bán, trao đổi, chuyển nhượng, biếu, tặng, cho mượn khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền; (ii) cho các tổ chức, cá nhân thuê, mượn, sử dụng; (iii) sử dụng vào mục đích cá nhân.

3. Chủ dự án/Ban Quản lý dự án được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản phải ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản; quy định về định mức tiêu hao xăng dầu đối với phương tiện vận chuyển; hàng năm, phải tiến hành kiểm kê và báo cáo kết quả kiểm kê gửi về Bộ (Vụ Tài chính) theo quy định hiện hành.

4. Tài sản được mua, được tiếp nhận để phục vụ hoạt động của dự án phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định về quản lý kỹ thuật của Nhà nước đối với từng loại tài sản. Nguồn kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản được sử dụng từ nguồn kinh phí trong dự toán chi hàng năm của Ban Quản lý dự án.

Điều 19. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản trong quá trình sử dụng và sau khi dự án kết thúc

Việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các chương trình, dự án trong quá trình sử dụng và sau khi kết thúc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 20. Xử lý kinh phí kết dư và chênh lệch tỷ giá khi kết thúc dự án

1. Kinh phí kết dư là số tiền do Bên tài trợ chuyển cho phía Việt Nam để thanh toán cho những hoạt động dự án nhưng sau khi kết thúc dự án vẫn còn dư trên tài khoản tiếp nhận tiền viện trợ. Sau khi kết thúc dự án, trường hợp không phải trả lại nhà tài trợ theo điều ước, thoả thuận quốc tế, số kinh phí kết dư trên được nộp về một tài khoản riêng của Bộ.

2. Chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá hạch toán trên sổ sách kế toán và tỷ giá thực tế phát sinh trong quá trình hạch toán, chuyển đổi số ngoại tệ viện trợ sang nội tệ, được hạch toán riêng và xử lý kết chuyển vào chi phí, hoặc tăng nguồn kinh phí hoạt động dự án theo chế độ kế toán áp dụng cho dự án.

Chương VII
QUYẾT TOÁN NĂM, QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ

Điều 21. Quyết toán dự án theo niên độ hàng năm

1. Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xét duyệt quyết toán phản ánh đầy đủ các nguồn vốn (nguồn hỗ trợ của nước ngoài, vốn đối ứng, ...) cho các chủ dự án trực thuộc, sau đó tổng hợp, gửi Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.

2. Đối với các dự án XDCB, quyết toán dự án năm thực hiện theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc quy định việc quyết toán vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

3. Đối với các dự án HCSN, quyết toán dự án năm thực hiện theo Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán hàng năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 22. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Kết thúc dự án, các Chủ dự án phải lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư (đối với dự án XDCB), báo cáo quyết toán vốn hành chính sự nghiệp (đối với dự án có tính chất chi HCSN), phản ánh đầy đủ các nguồn vốn của dự án để trình Bộ (Vụ Tài chính) xem xét, thẩm tra, phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo quyết toán vốn dự án đầu tư XDCB hoàn thành thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, Thông tư số 32/2016/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Báo cáo quyết toán vốn dự án có tính chất chi HCSN hoàn thành được lập trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các báo cáo quyết toán hàng năm đã được cơ

quan có thẩm quyền phê duyệt. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán hoàn thành cho Bộ (Vụ Tài chính) không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

Điều 23. Chính sách thuế và ưu đãi về thuế

Các chương trình, dự án được áp dụng chính sách thuế và ưu đãi về thuế theo quy định tại Thông tư số 181/2013/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Quy chế này.

2. Vào Quý I hàng năm, Vụ Hợp tác Quốc tế tổng hợp báo cáo danh mục các dự án đã phê duyệt năm trước và danh mục dự kiến các dự án sẽ vận động, đàm phán, ký kết trong năm gửi cho Vụ Tài chính, Vụ Kế hoạch để phối hợp theo dõi phục vụ công tác quản lý, báo cáo chung của Bộ và báo cáo với các Bộ ngành.

3. Vụ Hợp tác Quốc tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, hàng năm lập kế hoạch kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thông qua các chương trình, dự án; Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hàng năm lập kế hoạch kiểm tra về công tác quản lý tài chính các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài; kịp thời phát hiện những sai phạm và dấu hiệu vi phạm, đề xuất với Bộ trưởng biện pháp xử lý.

4. Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thông qua các chương trình dự án được bố trí trong dự toán chi NSNN hàng năm của Bộ. Cơ quan được giao chủ trì công tác kiểm tra nêu tại khoản 3 Điều 24 của Quy chế này có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ lập kế hoạch kinh phí; việc giao dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tài chính) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT